

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU PETROLIMEX  
(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2008

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 01-DN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>1.322.744.172.826</b>	<b>1.081.384.068.167</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>81.726.970.448</b>	<b>119.826.074.390</b>
1. Tiền	111		68.595.970.448	119.187.074.390
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.131.000.000	639.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>413.542.287.254</b>	<b>501.386.860.899</b>
1. Phải thu khách hàng	131	5	440.241.713.996	514.918.294.952
2. Trả trước cho người bán	132		5.059.363.077	11.257.197.233
3. Các khoản phải thu khác	135	6	5.109.431.376	21.061.022.157
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	5	(36.868.221.195)	(45.849.653.443)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>601.928.607.161</b>	<b>436.688.855.791</b>
1. Hàng tồn kho	141		620.551.512.928	437.245.535.075
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(18.622.905.767)	(556.679.284)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>225.546.307.963</b>	<b>23.482.277.087</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		683.541.158	158.630.235
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		26.490.348.918	18.904.626.746
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.802.811.124	125.742.048
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	195.569.606.763	4.293.278.058
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>104.676.908.110</b>	<b>67.312.362.272</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>82.282.814.710</b>	<b>60.070.605.845</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	64.504.660.701	55.149.993.628
- Nguyên giá	222		197.682.158.728	179.694.452.741
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(133.177.498.027)	(124.544.459.113)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	17.778.154.009	4.920.612.217
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>21.577.956.000</b>	<b>6.977.956.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	11	21.557.956.000	4.557.956.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		20.000.000	2.420.000.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>816.137.400</b>	<b>263.800.427</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	263.800.427
2. Tài sản dài hạn khác	268		816.137.400	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.427.421.080.936</b>	<b>1.148.696.430.439</b>

Các thuyết minh từ trang 08 tới trang 20 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẤU B 01-DN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.110.075.544.409</b>	<b>850.265.617.854</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.109.075.319.652</b>	<b>849.514.580.039</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	870.783.567.326	508.834.263.039
2. Phải trả người bán	312		175.956.135.578	268.759.835.093
3. Người mua trả tiền trước	313		7.192.701.175	13.626.890.936
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	19.930.989.735	18.151.004.977
5. Phải trả người lao động	315		13.099.271.219	13.710.418.215
6. Chi phí phải trả	316		1.398.879.535	3.113.900.422
7. Phải trả nội bộ	317		922.730.501	271.242.693
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	19.791.044.583	23.047.024.664
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.000.224.757</b>	<b>751.037.815</b>
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.000.224.757	751.037.815
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>	<b>14</b>	<b>317.345.536.527</b>	<b>298.430.812.585</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>316.513.802.531</b>	<b>297.777.088.218</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		161.272.000.000	161.272.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		56.453.510.000	56.453.510.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		466.200.000	466.200.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		58.695.177.206	37.582.921.868
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.745.573.362	2.465.089.469
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		34.881.341.963	39.537.366.881
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>831.733.996</b>	<b>653.724.367</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		831.733.996	653.724.367
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.427.421.080.936</b>	<b>1.148.696.430.439</b>



Nguyễn Văn Đức  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2009

Ngô Đức Giang  
Kế toán trưởng

